

Bản án số: 44/2019/HSST.

Ngày: 16/7/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC - TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy

- *Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Ngọc Sang

- Ông Nguyễn Ngọc Khanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:* Ông Võ Danh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2019/HSST ngày 21/5/2019, đối với bị cáo:

Phan Quốc C (tên gọi khác: B), sinh năm: 1997, tại Bà Rịa Vũng Tàu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp 4B, xã TL, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; con ông Phan Thành T, sinh năm: 1957 và bà Nguyễn Thị Mộng Th, sinh năm: 1964; Bị cáo là con một trong gia đình;

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Xuyên Mộc (có mặt)

*** Bị hại:** 1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1976

HKTT: ấp 4, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở: Tổ 5, ấp 2, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1973

HKTT: ấp 4, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở: Tổ 5, ấp 2, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3/ Ông Nguyễn Trung T, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2 Đ, xã BL, huyện X, tỉnh BR – VT.

4/ Võ Nhật TR, sinh năm: 2003

Đại diện hợp pháp cho cháu Võ Nhật TR: ông Võ Văn L, SN: 1974

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2 Đ, xã BL, huyện X, tỉnh BR – VT.

5/ Bà Phùng Thị N, sinh năm: 1954

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2 Đ, xã BL, huyện X, tỉnh BR – VT.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm: 1964

Địa chỉ: ấp 4B, xã TL, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

2/ Ông Nguyễn Anh T, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp 07, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

3/ Bà Huỳnh Ngọc Anh Th, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Tổ 03, ấp 4, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

4/ Bà Nguyễn Thị Ánh Q, sinh năm: 1998

Địa chỉ: ấp 8, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

5/ Ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp S, xã TL, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Bà H, ông B, ông T, cháu T, ông L, ông T, bà Th, bà Q vắng mặt, bà R có mặt, bà Na và ông Q có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/02/2019, bị cáo Phan Quốc C (tên gọi khác: B), trú tại ấp 4B, xã TL, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng, kèm sim mobiphone số thuê bao 0705.682.513; 01 điện thoại di động hiệu Xiami-Redmi-4A màu vàng, kèm sim Viettel số thuê bao 0963.872.472 của anh Nguyễn Trung T và anh Võ Nhật TR. Ngoài ra, bị cáo còn lục ví của bà Phùng Thị N lấy của bà N số tiền 608.000đ (sáu trăm lẻ tám ngàn đồng) còn ví da thì vứt bỏ ở ven đường.

Sau khi lấy trộm được điện thoại thì bị cáo tháo sim trong máy điện thoại hiệu Xiami-Redmi-4A bỏ vào máy của bị cáo và mang điện thoại Xiami-Redmi-4A đi cầm tại tiệm cầm đồ do anh Nguyễn Đình T làm chủ với giá 300.000đ và hỏi mượn thêm của anh T 100.000đ, anh T đồng ý. Đối với điện thoại hiệu Iphone 6 màu vàng, do có mặt khẩu nên bị cáo đã tháo sim trong máy này và bỏ vào máy của bị cáo, mục đích là lấy danh bạ. Trong khi bị cáo lục danh bạ thì phát hiện có số thuê bao 0922.020.404 được lưu tên “ba” (tức ông Võ Văn L, ba ruột của anh T) nên bị

cáo đã gọi điện và giả danh là Công an đang điều tra vụ án trộm cắp tài sản và yêu cầu ông L cung cấp thông tin cá nhân của chủ thuê bao. Khi ông L không đồng ý thì bị cáo tiếp tục giả danh Công an để yêu cầu nhiều người nhà của anh Tín và anh T cung cấp thông tin cá nhân của anh Tín và anh T nhưng không ai đồng ý cung cấp cho bị cáo.

Sau đó, bị cáo tiếp tục gọi cho ông L giả là chủ tiệm cầm đồ, đang cầm điện thoại Iphone 6 màu vàng với số tiền 2.300.000đ và bị cáo yêu cầu ông L đến chuộc lại. Do nghi ngờ bị cáo chính là người lấy trộm tài sản nên đồng ý chuộc và hẹn với bị cáo giao dịch trước cổng công ty may Sanging thuộc ấp 2, xã Bàu Lâm. Trước khi các bên đến điểm hẹn gặp nhau thì ông L đã trình báo với Công an xã Bàu Lâm nên Công an đã mời bị cáo về trụ sở làm việc, tại đây bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL-HĐĐG ngày 02/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuyên Mộc kết luận, tại thời điểm xảy ra vụ án, giá trị điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng có giá là 3.450.000đ (ba triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng); giá trị điện thoại di động hiệu Xiami-Redmi-4A màu vàng có giá là 1.296.000đ (một triệu, hai trăm chín mươi sáu ngàn đồng); sim điện thoại hiệu Mobiphone có giá có là 25.000đ (hai mươi lăm ngàn đồng) và sim điện thoại hiệu Viettel có giá có là 25.000đ (hai mươi lăm ngàn đồng). Tổng giá trị là 4.796.000đ (bốn triệu, bảy trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận, ngoài hành vi trộm cắp tài sản nói trên bị cáo còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị H tổng số tiền 4.600.000đ (bốn triệu, sáu trăm ngàn đồng), cụ thể: Ngày 11/02/2019, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 72G1 – 04312 đến cửa hàng đại diện giao dịch chuyển tiền nhanh của Công Ty Viettle, bị cáo đưa cho chị H 2.300.000đ và nhờ Chị H chuyển vào số tài khoản 31710000131166, là số tài khoản của bị cáo để bị cáo chuyển qua số tài khoản của ông Dương Văn L. Nhận thấy việc chuyển tiền với chị H dễ dàng và vì bị cáo còn nợ ông L tiền nên bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị H để trả nợ cho ông L. Bị cáo đã đến nhà Chị H nhờ chuyển vào số tài khoản 31710000131166 số tiền 950.000đ. Trong lúc trò chuyện, bị cáo giới thiệu là Công an viên của xã Bàu Lâm để chị H tin tưởng sẽ có người nhà mang tiền tới cho bị cáo sau khi thực hiện giao dịch nên chị H đã đồng ý chuyển tiền cho bị cáo.

Với thủ đoạn tương tự, bị cáo đã yêu cầu chị H chuyển tiền vào số tài khoản nói trên của bị cáo 04 lần với tổng số tiền 4.600.000đ. Sau khi chuyển xong thì bị cáo đã dùng phần mềm Smart Banking chuyển hết số nói trên qua tài khoản của ông L. Chị H đã nhiều lần yêu cầu bị cáo trả số tiền nói trên nhưng bị cáo không trả vì

vậy chị H đã báo công an, tại công an bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo.

* Vật chứng trong vụ án: Công an huyện Xuyên Mộc đã thu giữ của bị cáo 01 (một) căn cước công dân và 01 thẻ ngân hàng BIDV đều mang tên Phan Quốc C; 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel; 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 3. Vật chứng thu giữ của bị cáo hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Xuyên Mộc chờ xử lý.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Cơ quan điều tra Công an huyện Xuyên Mộc đã trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng có ốp lưng nhựa màu xanh và 01 điện thoại di động hiệu Xiami-Redmi-4A màu vàng có ốp lưng nhựa màu đen, cho anh Tín và anh T. Sau khi nhận lại tài sản anh Tín và anh T không có ý kiến và yêu cầu gì về mặt dân sự.

- Bà Phùng Thị N xác định bà N bị mất số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng bị cáo chỉ thừa nhận bên trong ví có 608.000đ. Qua điều tra, không có cơ sở xác định số tiền trong ví da là 3.500.000đ nên chấp nhận theo lời khai của bị cáo đối với số tiền bị cáo lấy của bà N là 608.000đ. Ngoài ra, bị cáo cầm điện thoại và mượn của anh Nguyễn Đình T tổng cộng 400.000đ. Tuy nhiên, Bà N và anh T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này cho bà N và anh T vì thấy hoàn cảnh của bị cáo quá khó khăn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bà Nguyễn Thị Mộng T là mẹ của bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo số tiền 4.600.000đ nhưng bà T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này cho bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-KSĐT-XM ngày 20/5/2019 của VKSND huyện Xuyên Mộc đã truy tố bị cáo Phan Quốc C về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 điều 173 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; khoản 1 điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” và xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là từ 12 tháng đến 16 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/02/2019.

Bị cáo không tranh luận và bào chữa bổ sung gì chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Xuyên Mộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, thể hiện:

Ngày 17/02/2019, bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng, kèm sim mobiphone số thuê bao 0705.682.513; 01 điện thoại di động hiệu Xiami-Redmi-4A màu vàng, kèm sim Viettel số thuê bao 0963.872.472 của anh Nguyễn Trung T và anh Võ Nhật TR có tổng giá trị là 4.796.000đ (bốn triệu, bảy trăm chín mươi sáu ngàn đồng). Ngoài ra, bị cáo còn lục ví của bà Phùng Thị N lấy của bà N số tiền 608.000đ (sáu trăm lẻ tám ngàn đồng) còn ví da thì vứt bỏ ở ven đường. Và trước đó vào ngày 11/02/2019, bị cáo đã có hành vi gian dối để chị Nguyễn Thị H chuyển vào tài khoản của bị cáo 04 lần với tổng số tiền 4.600.000đ, sau khi chị H chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo thì bị cáo sử dụng phần mềm Smart Banking chuyển hết số tiền chị H vừa chuyển sang tài khoản của một người khác nhưng không thanh toán lại số tiền này cho Chị H.

Việc bị cáo cố ý lén lút, lợi dụng sự sơ hở của bị hại để trộm cắp tài sản, với giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.404.000đ (Năm triệu, bốn trăm lẻ bốn ngàn đồng) và việc bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 4.600.000đ đã đủ cơ sở khẳng định: hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo qui định tại khoản 1 Điều 173 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội; không những xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự

tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, không bị khiếm khuyết về thể chất cũng như tinh thần nhưng với bản chất tham lam, tư lợi, lười biếng lao động; muốn chiếm đoạt thành quả lao động của người khác để phục vụ nhu cầu của bản thân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội, bị cáo tích cực tác động gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại. Bị cáo là con một trong gia đình, cha mẹ của bị cáo đã lớn tuổi, mẹ của bị cáo đang bị bệnh nặng (bệnh viêm màng não do lao) nên kinh tế gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để bị cáo thấy được tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) căn cước công dân và 01 thẻ ngân hàng BIDV, số thẻ 9704180098711218 đều mang tên Phan Quốc C.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel; 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 3 là công cụ phương tiện bị cáo thực hiện vào việc phạm tội.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: Phan Quốc C (tên gọi khác: B) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 55 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Quốc C 08 (tám) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 08 (tám) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/02/2019.

* Về trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong nên hội đồng xét xử không xem xét

* Về vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) căn cước công dân và 01 thẻ ngân hàng BIDV, số thẻ 9704180098711218 đều mang tên Phan Quốc C.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel số Imel: 355000114640767; 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobiistar-B24, số Imel: 352241023415643; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 3 màu đen, số Imel1: 358554082363668 và số Imel2: 35855408236367601.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc)

Về án phí: Áp dụng Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Phan Quốc C phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA ND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT (PV27);
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Những người tham gia tố tụng;- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy

